TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2023/HS-ST
Ngày: 13-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thành Tuấn – Giáo viên trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm

2. Ông Bùi Văn Sơn – Ban tuyên giáo huyện ủy Châu Thành, An Giang

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Thị Nhị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn V (K), sinh năm 2004; Nơi sinh: tại An Giang; Nghề nghiệp: Không; Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo Hoà Hảo; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 02/12; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị Bích K1, sinh năm 1983; anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là người nhỏ nhất; bị cáo có vợ là Châu Thị Thùy D, sinh năm 2003 và 01 người con sinh năm 2023.

* Quá trình nhân thân:

Từ nhỏ đến lớn sống cùng với gia đình tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, đi học đến lớp 02 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo Nguyễn Văn V bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2023 tại Nhà tạm giữ - Công an huyện C cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Anh Lữ Đức K2, sinh năm 2001 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Anh Huỳnh Văn P, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

3. Chị Đặng Thị Út H, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

4. Anh Trương Hữu N, sinh năm 2004 (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

5. Cháu Trương Hữu N1, sinh ngày 08/10/2007 (có mặt);

Người đại diện hợp pháp cho bị hại Trương Hữu N1*:* Anh Trương Hữu N, sinh năm 2004;

Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Cháu Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 2008 (có mặt);

Người đại diện hợp pháp cho người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tấn Đ*:* Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Cháu Trương Văn H1, sinh năm 2008 (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp cho người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Văn H1*:* Chị Trương Thị C, (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Thanh D1, sinh năm 2004 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Cháu Nguyễn Thị Thanh D2, sinh năm 2006 (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp cho người làm chứng Nguyễn Thị Thanh D2*:* Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

3. Anh Phan Viết T1, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

4. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957 (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

5. Anh Lê Thanh T2, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

6. Chị Lê Thị Yến E, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 01/7/2023, Nguyễn Văn V (K) rủ Nguyễn Tấn Đ (sinh ngày: 01/5/2008) đi tìm tài sản lấy trộm, bán lấy tiền tiêu xài thì Đ đồng ý. Đ điều khiển xe gắn máy biển số: 65FH - 0655, màu: đỏ - đen, chở V vào khu Công nghiệp B để V đi bộ vào phía sau cơ sở mùng mền "Thiện Nhuận", thuộc ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, đột nhập qua khoảng trống lẻn vào bên trong tìm tài sản lấy trộm, còn Đ chạy xe ra đường Tỉnh lộ 941 trước cơ sở mùng mền, ngồi trên xe đậu cảnh giới đợi Việt.

Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, thấy công nhân đã ngủ nên V đi xung quanh lục tìm tài sản, lấy trộm. V dẫn 01 xe mô tô biển số: 67C1 - 752.91, nhãn hiệu: Honda, loại: Vario, màu: hồng, số máy: KF11E1936141, số khung: MH1KF1117HK939869 của Lữ Đức K2 đến cửa xếp, bấm nút mở cửa nhưng cửa không mở nên V đi đến giường ngủ của Huỳnh Văn P dùng cây kéo cắt mùng, lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Oppo A15, màu trắng 32GB, có ốp lưng nhựa, bên trong điện thoại gắn sim mạng Vinaphone số: 0917.499.450 của P, V cất giấu điện thoại vào túi đeo chéo màu đen thì bị Nguyễn Thị Thanh D2 phát hiện, nói cho Nguyễn Thanh D1 và Nguyễn Thanh H2 cũng đang ở trong cơ sở mùng mền biết nên D1, H2 tri hô để P thức giấc cùng với D1, H2 bắt giữ V cùng tang vật. Sau đó, giao V cùng tang vật đến Công an xã B, huyện C, Đ ở bên ngoài biết V bị bắt nên điều khiển xe tẩu thoát.

Ngày 03/7/2023, Đ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C làm việc, thừa nhận cùng với V trộm cắp tài sản như nội dung vụ án.

** Vật chứng thu giữ:*

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo A15, màu trắng, 32 GB, có ốp lưng nhựa, bên trong có gắn sim điện thoại di động mạng Vinaphone số 0917.499.450, đã qua sử dụng, đã trao trả cho bị hại Huỳnh Văn P;

- 01 xe mô tô biển số: 67C1 - 752.91, nhãn hiệu: Honda, loại: Vario, màu: hồng - đen, số máy: KF11E1936141, số khung: MH1KF1117HK939869, đã qua sử dụng, đã trao trả cho bị hại Lữ Đức K2;

- 01 căn cước công dân số, mang tên Trương Hữu N, sinh ngày 03/7/2004, đã trao trả cho bị hại Trương Hữu N;

- 01 xe gắn máy biển số: 65FH - 0655, nhãn hiệu: NAGAKI màu: đỏ - đen, số khung: RNDDCBKND81028481, số máy: VDGZS139FMBN028481, đã qua sử dụng;

- 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 006229, biển số đăng ký 65FH - 0655, tên Lê Hoàng G1;

** Thu giữ của* Nguyễn Văn V*:*

- 01 đôi dép nhựa màu trắng có chữ DUWA Fashion, đã qua sử dụng;

- 01 cây kéo cán nhựa màu đen trắng có chữ HONG HA, đã qua sử dụng;

- 01 túi xách màu đen có chữ HONGYUDA, đã qua sử dụng;

- 01 nón bảo hiểm màu trắng, đã qua sử dụng.

* Căn cứ Bản kết luận định tài sản số 39/KL.HĐ ngày 10/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, kết luận:

- 01 xe mô tô biển số: 67C1 - 752.91, nhãn hiệu: Honda, loại: Vario, màu: hồng - đen, số máy: KF11E1936141, số khung: MH1KF1117HK939869, đã qua sử dụng, có giá trị là 52.000.000 đồng x 40% = 20.800.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo A15, màu trắng, 32GB, đã qua sử dụng, có giá trị là 4.300.000 đồng x 40% = 1.720.000 đồng.

- 01 Sim điện thoại mạng Vinaphone số: 0917.499.450, đã qua sử dụng, có giá trị là 150.000 đồng x 0% = 0 đồng.

- 01 ốp lưng điện thoại bằng nhựa, đã qua sử dụng, có giá trị là 40.000 đồng x 40% = 16.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá là: 22.536.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, V còn khai nhận cùng với Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện P và huyện C, tỉnh An Giang và quận T thành phố Cần Thơ cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 29/6/2023, Đ rủ V đi tìm tài sản lấy trộm, bán lấy tiền tiêu xài thì V đồng ý. V điều khiển xe mô tô biển số: 67L2 - 019.95, nhãn hiệu: Honda, loại: Vision, màu: xanh - đen. Khi đi đến nhà Đặng Thị Út H thuộc ấp M, xã T, huyện P, tỉnh An Giang thấy cửa nhà H không đóng nên Đ và V dừng xe lại, cả hai đột nhập vào nhà H. Đ lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Oppo F11, màu đen, còn V lấy trộm 01 máy tính bảng hiệu Samsung, màu trắng, bị vỡ màn hình của H rồi cất giấu vào túi đeo chéo của V. Sau đó khi đến nhà Nguyễn Thị L thuộc ấp H, xã T, huyện P, tỉnh An Giang, V ngồi ở ngoài canh đường, Đ đột nhập vào nhà L lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12, màu xanh dương của Trương Hữu N1 và 01 cái bóp da, màu đen của Trương Hữu N, bên trong bóp da có số tiền 2.000.000 đồng và 01 căn cước công dân mang tên Trương Hữu N, Đ đưa cho V điện thoại di động Iphone 12 cất giấu vào túi đeo chéo, Đ giữ số tiền 2.000.000 đồng, V giữ lại căn cước công dân mang tên Trương Hữu N, còn cái bóp da thì ném bỏ ở khu vực gần nhà L.

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, V đem điện thoại di động Oppo F11, màu đen và máy tính bảng hiệu S1, màu trắng, bị vỡ màn hình đã trộm được đến cửa hàng điện thoại di động "Nguyễn Huệ", thuộc ấp G, xã L, huyện T, tỉnh An Giang bán với số tiền 1.150.000 đồng. Khoảng 17 giờ cùng ngày, Đ đem điện thoại di động hiệu

Iphone 12 đến cửa hàng điện thoại di động "Sái 2", thuộc khóm D, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang bán được 500.000 đồng, số tiền này V và Đ đã tiêu xài cá nhân hết.

* Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐG.TTHS ngày 24/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P, kết luận:

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo F11, màu đen, đã qua sử dụng, có giá trị là: 950.000 đồng.

- 01 máy tính bảng hiệu Samsung, màu trắng, đã qua sử dụng, có giá trị là: 450.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá là: 1.400.000 đồng. (Bút lục số: 284 - 285)

* Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐG.TTHS ngày 14/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P, kết luận:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12, màu xanh dương, đã qua sử dụng, có giá trị là: 7.400.000 đồng.

- 01 cái ví da màu đen, đã qua sử dụng, có giá trị là: 0 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá là: 7.400.000 đồng. (Bút lục số: 243 - 244)

Vụ thứ hai: Khoảng 21 giờ, ngày 30/6/2023, Đ rủ V đi trộm cắp tài sản bán lấy tiều tiêu xài, thì V đồng ý. V điều khiển xe mô tô biển số: 67L2 - 019.95, nhãn hiệu: Honda, loại: Vision, màu: xanh - đen, chở Đ đến khu vực cầu T thuộc phường T, quận T, thành phố Cần Thơ, lén lút lấy trộm 01 xe gắn máy biển số: 65FH - 0655, loại: 50 (dáng xe Wave), màu: đỏ - đen, số khung: RNDDCBKND81028481, số máy: VDGZS139FMBN028481. Hiện, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C đã xác minh, thông báo truy tìm chủ sở hữu xe gắn máy biển số: 65FH - 0655, nhưng chưa xác định được bị hại.

* Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 57/KL.HĐ ngày 26/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, kết luận:

- 01 xe gắn máy biển số: 65FH - 0655, số loại: 50 (dáng xe wave), màu: đỏ - bạc - đen, số máy: VDGZS139FMBN028481, số khung: RNDDCBKND81028481, đã qua sử dụng, có giá trị là 11.000.000 đồng x 10% = 1.100.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá là: 1.100.000 đồng. (Bút lục số: 59)

Vụ thứ ba: Ngày 29/6/2023, Đ rủ V đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài, V đồng ý. V cùng Đ đi bộ đến cơ sở làm nhan tên "Phước Liễu", thuộc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, lén lút lấy trộm 01 xe mô tô biển số: 67L2 - 019.95, nhãn hiệu: Honda, loại Vision, màu xanh - đen, số máy: JF66E0435833, số khung 5813GY479829. Hiện, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện C đã thông báo và bàn giao xe cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện C để điều tra theo thẩm quyền.

Tại cáo trạng số 60/CT-VKSCT-HS ngày 17/10/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn V (K) về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung 2017).

- Bị hại ông Lữ Đức K2 trình bày: Anh đã nhận lại tài sản bị mất trộm là 01 xe mô tô biển số: 67C1-752.91, nhãn hiệu: Honda, loại: Vario, màu: hồng - đen, số máy: KF11E1936141, số khung: MH1KF1117HK939869. Anh yêu cầu xử lý bị cáo V theo quy định của pháp luật. (Bút lục số: 03 - 04; 104 - 107)

- Bị hại Huỳnh Văn P trình bày: Anh đã nhận lại tài sản bị mất trộm là 01 điện thoại di động hiệu Oppo A15, màu trắng, 32 GB, có ốp lưng nhựa, bên trong có gắn sim điện thoại di động mạng Vinaphone số 0917.499.450. Anh yêu cầu xử lý bị cáo V theo quy định của pháp luật. (Bút lục số: 97 - 102)

- Bị hại Trương Hữu N, Trương Hữu N1 và Đặng Thị Út H cùng trình bày: Hiện tại, N đã nhận lại căn cước công dân. N, N1 và H yêu cầu các đối tượng trộm cắp tài sản bồi thường số tài sản mà các đối tượng đã trộm, đồng thời yêu cầu xử lý hình sự các đối tượng trộm cắp tài sản. (Bút lục số: 212; 214; 309 - 310; 333; 336 - 338; 341 - 342; 346 - 347)

- Nguyễn Thanh D1, Nguyễn Thị Thanh D2, Nguyễn Thanh H2, Phan Viết T1, Nguyễn Văn G, Nguyễn Thị L, Lê Thanh T2, Lê Thị Yến E cùng trình bày phù hợp như nội dung vụ án đã nêu. (Bút lục số: 05 - 12; 97 - 102; 113 - 128; 139 - 140; 215 - 216; 306 - 308; 343 - 345; 348 - 351)

- Lâm Văn S trình bày: Sái là chủ cửa hàng điện thoại di động biển hiệu "Sái 2" thuộc khóm D, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang. Ngày 29/6/2023, S và nhân viên trong cửa hàng không có thu mua điện thoại di động hiệu Iphone 12, màu xanh dương, cũng không quen biết người thanh niên tên Đ nào cả. (Bút lục số: 352 - 353)

- Trương Văn H1 trình bày: Ngày 03/7/2023, H1 có mượn xe gắn máy biển số: 65FH - 0655 của Nguyễn Tấn Đ làm phương tiện đi lại, H1 không biết xe gắn máy trên là do Đ trộm cắp mà có. H1 đã giao nộp xe gắn máy biển số: 65FH - 0655 và giấy chứng nhận đăng ký xe gắn máy biển số: 65FH - 0655 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C. (Bút lục số: 131 - 134)

- Nguyễn Tấn Đ (sinh ngày: 01/5/2008) trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu. (Bút lục số: 141 - 144; 147 - 151; 357 - 360)

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày nội dung luận tội tại phiên tòa: Giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố, căn cứ vào tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt, nhân thân bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm o, g, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V (K) mức án 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản".* Thời hạn tù tinh từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 02/7/2023).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

- Tịch thu tiêu huỷ 01 đôi dép nhựa màu trắng có chữ DUWA Fashion, 01 cây kéo cán nhựa màu đen trắng có chữ HONG HA, 01 túi xách màu đen có chữ HONGYUDA, 01 nón bảo hiểm màu trắng của bị cáo V.

- Riêng đối với 01 chiếc xe mô tô biển số: 65FH - 0655, nhãn hiệu: NAGAKI màu: đỏ - đen, số khung: RNDDCBKND81028481, số máy: VDGZS139FMBN028481 và 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 006229, biển số đăng ký 65FH - 0655, tên Lê Hoàng G1 thu giữ của bị cáo, Cơ quan CSĐT Công an huyện C tiếp tục tạm giữ để xác minh làm rõ chủ sở hữu hợp pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo V có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Trương Hữu N số tiền 2.000.000đồng.

- Buộc bị cáo V có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Trương Hữu N1 số tiền: 7.400.000đồng.

- Buộc bị cáo V có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Đặng Thị Ú Hằng số tiền 1.400.000đồng.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận, đồng ý theo quyết định truy tố và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến khác.

Bị hại N và cũng là người đại diện hợp pháp cho bị hại N1 không có ý kiến tranh luận.

Các bị hại Lưu Đức K3, Huỳnh Văn P, Đặng Thị Út H; người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tấn Đ; người đại diện hợp pháp cho cháu Trương Văn H1 và những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình điều tra có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo và những tình tiết vụ án.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có điều kiện lo cho gia đình, vì bị cáo còn nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, các bị hại Lưu Đức K3, Huỳnh Văn P, Đặng Thị Út H; người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tấn Đ vàTrương Văn Hậu; những người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ những vẫn vắng mặt. Xét thấy, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên việc vắng

mặt của họ không gây cản trở cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn V khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo V và người liên quan Nguyễn Tấn Đ đã lợi dụng sự sơ hở của các chủ sở hữu tài sản, tranh thủ lúc đêm khuya vắng người, khi các bị hại đang ngủ hoặc nhà không đóng cửa, bị cáo và Đ đã cố ý lét lút lấy trộm của Đặng Thị Út H 01 điện thoại di động hiệu Oppo F11, màu đen, trị giá 950.000 đồng và 01 máy tính bảng hiệu Samsung, màu trắng, trị giá 450.000 đồng; lấy trộm của Trương Hữu N 01 cái ví da màu đen và tiền Việt Nam 2.000.000 đồng; lấy trộm của Trương Hữu N1 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12, màu xanh dương, đã qua sử dụng, trị giá 7.400.000 đồng; lấy trộm của Lữ Đức K2 01 xe mô tô biển số: 67C1 - 752.91, nhãn hiệu: Honda, loại: Vario, màu: hồng - đen, trị giá 20.800.000 đồng; lấy trộm của Huỳnh Văn P 01 điện thoại di động hiệu Oppo A15, màu trắng, trị giá 1.720.000 đồng; lấy trộm 01 xe gắn máy biển số: 65FH - 0655, số loại: 50 (dáng xe wave), màu: đỏ - bạc - đen, trị giá 1.100.000 đồng (chưa xác định được bị hại). Tổng trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là: 34.436.000 đồng *(Ba mươi bốn triệu, bốn tram ba mươi sáu nghìn đồng).*

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Khoản 1 Điều 173 quy định: *"Tội trộm cắp tài sản"*:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. ..... .

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như trên là đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Quyền sở hữu tài sản là một trong những quyền cơ bản được pháp luật ghi nhận và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác đều bị xử lý nghiêm khắc. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận

thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị cáo là người khỏe mạnh, có đủ điều kiện và khả năng lao động, có thể chọn việc làm chân chính để tạo thu nhập vừa nuôi sống bản thân và phụ giúp cho gia đình, nhưng bị cáo đã không làm được điều này.

Với bản tính tham lam, lười lao động, muốn có tiền tiêu xài mà không cần tốn công sức, bị cáo đã xem thường pháp luật, bất chấp hậu quả xảy ra. Bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, trong các ngày 29/6/2023 và ngày 01/7/2023, bị cáo đã rủ Nguyễn Tấn Đ cùng thực hiện ba vụ trộm liên huyện, liên tỉnh từ các địa bàn của huyện C; huyện P và huyện C, tỉnh An Giang và quận T, thành phố Cần Thơ. Trong số các lần trộm tài sản trên, bị cáo và Đ đều có trực tiếp thực hiện hành vi trộm, người còn lại ở ngoài canh đường, cảnh giới để người trộm thực hiện xong, trở ra cùng tẩu thoát. Bị cáo và Đ đã đột nhập vào nhà người dân, lợi dụng sự mất cảnh giác của các bị hại trong việc quản lý tài sản để lén lút lấy trộm tài sản thành công và trót lọt. Đến khi thực hiện hành vi trộm tại cơ sở mùng mền "Thiện Nhuận" thuộc ấp P, xã B, huyện C thì bị phát hiện và bắt quả tang.

Xét về đồng phạm khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ nên giữa bị cáo và Đ chỉ là đồng phạm giản đơn, bị cáo và Đ vì lòng tham nên đã nảy sinh ý định và cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Hành vi phạm tội của bị cáo V là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với người liên quan Nguyễn Tấn Đ đã có hành vi trộm cắp tài sản cùng với bị cáo, nhưng tại thời điểm tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì Đ chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Đ. Công an huyện C đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo đối với Đ.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo, trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị hại đã nhận lại một phần tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo đã rủ rê, xúi giục Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 2008, là người dưới 18 tuổi cùng thực hiện hành vi phạm tội đến 03 lần trong các ngày 29/6/2023 và ngày 01/7/2023 tại các địa điểm khác nhau. Mặt khác, bị cáo đã phạm tội đối với bị hại Trương Hữu N1, sinh ngày 08/10/2007, là người chưa đủ 16 tuổi; đây là các tình tiết tăng nặng đối với bị cáo được quy định tại điểm g, i và điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Về xử lý vật chứng:

+ 01 điện thoại di động hiệu Oppo A15 32GB, màu trắng có gắn sim điện thoại di dộng mạng Vinaphone số 0917.499.450, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô biển số: 67C1 - 752.91, nhãn hiệu: Honda, loại: Vario, màu: hồng - đen, số máy: KF11E1936141, số khung: MH1KF1117HK939869, đã qua sử dụng. Các tài sản này đã được trao trả cho các bị hại Huỳnh Văn P, Lữ Đức K2 nên không đặt ra xem xét.

+ 01 xe mô tô biển kiểm soát: 67L2 - 019.95, nhãn hiệu: Honda, loại: Vision, màu: xanh – đen, số máy: JF66E0435833, số khung 5813GY479829 là vật chứng trong vụ trộm cắp tài sản, xảy ra ngày 29/6/2023 tại ấp M, xã M, huyện C, đã qua sử dụng. Hiện, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện C đã bàn giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện C để điều tra theo thẩm quyền là phù hợp.

+ Riêng đối với 01 chiếc xe mô tô biển số: 65FH - 0655, nhãn hiệu: NAGAKI màu: đỏ - đen, số khung: RNDDCBKND81028481, số máy: VDGZS139FMBN028481 và 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 006229, biển số đăng ký 65FH - 0655, tên Lê Hoàng G1 thu giữ của bị cáo. Do chưa xác định được chủ sở hữu nên tiếp tục giao cho Đội Cảnh sát giao thông và Trật tự - Công an huyện C thông báo truy tìm và trao trả cho chủ sở hữu hoặc xử lý theo quy định pháp luật.

+ Tịch thu tiêu huỷ 01 đôi dép nhựa màu trắng có chữ DUWA Fashion, 01 cây kéo cán nhựa màu đen trắng có chữ HONG HA, 01 túi xách màu đen có chữ HONGYUDA, 01 nón bảo hiểm màu trắng đều đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Văn V.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Lữ Đức K2 và Huỳnh Văn P đã nhận lại tài sản bị lấy trộm, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên không đề cập xem xét;

Đối với chiếc điện thoại di động Oppo F11, màu đen và máy tính bảng hiệu S1, màu trắng, bị vỡ màn hình đã trộm của chị H và bị hại Trương Hữu N1, Trương Hữu N, bị cáo khai đã bán, đến nay Cơ quan cảnh sát điều tra không thu hồi được. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp cho bị hại N1 vẫn giữ nguyên yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị lấy trộm; bị hại H vắng mặt, nhưng quá trình điều tra có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại. Xét yêu cầu của các bị hại là có căn cứ nên được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bị cáo và người đại diện hợp pháp cho Nguyễn Tấn Đ là Nguyễn Văn G có trách nhiệm liên đới bồi thường giá trị tài sản bị lấy trộm cho các bị hại.

Tuy nhiên, tại phiên toà, bị cáo đã tự nguyện đồng ý một mình bồi thường cho các bị hại, không yêu cầu người đại diện hợp pháp của Đ phải liên đới trách nhiệm bồi thường với bị cáo. Sự tự nguyện của bị cáo cũng được bị hại và đại diện hợp pháp cho bị hại đồng ý nên được chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét:

- Buộc bị cáo V có trách nhiệm bồi thường cho Trương Hữu N số tiền 2.000.000đồng.

- Buộc bị cáo V có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Trương Hữu N1 do Trương Hữu N làm đại diện, số tiền: 7.400.000đồng.

- Buộc bị cáo V có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Đặng Thị Ú Hằng số tiền 1.400.000đồng.

Đối với Nguyễn Tấn Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng với bị cáo V, nhưng tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì Đ chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Đ mà ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo đối với Đ là đúng quy định.

Đối với Trương Hữu H3 mượn xe gắn máy biển số: 65FH - 0655 của Nguyễn Tấn Đ để làm phương tiện đi lại, do H3 không biết xe gắn máy trên là tài sản mà Đ trộm cắp mà có nên không xử lý H3 là có căn cứ.

[7] Đề nghị của Viện kiểm sát:

Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn V và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[8] Về án phí:

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai tram nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm; Buộc bị cáo Nguyễn Văn V (K) phải chịu 540.000 đồng *(Năm trăm bốn mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn V (K) phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm g, i, o khoản 1 Điều 52, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn V (K) 02 (Hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 02/7/2023).

- Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: Tịch thu tiêu huỷ 01 đôi dép nhựa màu trắng có chữ DUWA Fashion, 01 cây kéo cán nhựa màu đen trắng có chữ HONG HA, 01 túi xách màu đen có chữ HONGYUDA, 01 nón bảo hiểm màu trắng đều đã qua sử dụng của bị cáo V.

+ Giao cho Đ1 và Trật tự - Công an huyện C, An Giang quản lý 01 chiếc xe mô tô biển số: 65FH - 0655, nhãn hiệu: NAGAKI màu: đỏ - đen, số khung: RNDDCBKND81028481, số máy: VDGZS139FMBN028481 và 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 006229, biển số đăng ký 65FH - 0655, tên Lê Hoàng G1, để thông báo truy tìm và trao trả cho chủ sở hữu theo quy định; Nếu không xác

định được chủ sở hữu thì làm thủ tục phát mãi sung công quỹ nhà nước theo quy định pháp luật.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 49/QĐ-VKS-HS ngày 17/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành).

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Buộc bị cáo V có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Trương Hữu N số tiền 2.000.000đ *(Hai triệu đồng).*

+ Buộc bị cáo V có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Trương Hữu N1 do Trương Hữu N làm đại diện, số tiền: 7.400.000đ *(Bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng).*

- Buộc bị cáo V có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Đặng Thị Ú Hằng số tiền 1.400.000đ *(Một triệu, bốn trăm nghìn đồng).*

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn V (K) phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm;

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn V (K) phải chịu 540.000 đồng *(Năm trăm bốn mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo; bị hại; người đại diện hợp pháp cho bị hại; người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Bị hại; người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, sự tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp An Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Cơ quan điều tra CA huyện Châu Thành;
- Cơ quan THA hình sự huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, bị hại (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Mỹ Linh